

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/KDTM-PT

Ngày: 22-3-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thái Thị Hữu Xuân

2. Ông Nguyễn Đức Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Bé – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 04/2019/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 25/2018/KDTM-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Q. Địa chỉ: 28C – 28D, phố B, phường H, quận H, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Số 175 phường K, P, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 175 phường K, P, Quận B, Thành phố H. (Giấy ủy quyền ngày 02/8/2018), vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 175 phường K, P, Quận B, Thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 02/8/2018), có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần B; địa chỉ: Quốc Lộ 1K, phường B, thị xã D, tỉnh B. Người đại diện hợp pháp của công ty: Ông Vương Đức Th, sinh năm 1986. Địa chỉ: Quốc Lộ 1K, phường B, thị xã D, tỉnh B (Giấy ủy quyền ngày 06/12/2018), có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn là ông Phạm Văn T trình bày:

Giữa Công ty Cổ phần B với Ngân hàng Thương mại Q có ký Hợp đồng vay số 067/18/HĐCV-9203 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/067/18/HĐCV-9203 ký kết cùng ngày 03/02/2018, với các nội dung: Số tiền vay: 32.179.071.622 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Thực hiện nhận nợ bắt buộc theo các cam kết cấp bảo lãnh, lãi suất vay: 16,5%/năm trong thời hạn 12 tháng; hình thức thanh toán: Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng, nợ gốc trả hết vào ngày 03/02/2019; lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả lãi: 10%/năm.

Kể từ ngày nhận tiền vay, Công ty B có thanh toán một phần nợ gốc, sau đó Công ty B không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng Q dù đã được đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần. Do Công ty B vi phạm các thỏa thuận theo hợp đồng vay nêu trên nên Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty B thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền tạm tính đến ngày 13/11/2018 là 7.050.824.239 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc 6.190.603.549 đồng, lãi trên nợ gốc 791.973.236 đồng và lãi chậm trả lãi là 68.247.454 đồng). Buộc Công ty B tiếp tục chịu phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 067/18/HĐCV-9203 ngày 03/02/2018 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/067/18/HĐCV-9203 ngày 03/02/2018 cho đến ngày thanh toán hết các khoản nợ.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q và ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản của Công ty B để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của Công ty B là ông Vương Đức T trước khi mở phiên tòa trình bày:

Bị đơn thống nhất với lời khai của đại diện Ngân hàng Q về Hợp đồng cho vay số 067/18/HĐCV-9203 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/067/18/HĐCV-9203 mà hai bên đã ký kết. Hiện nay, Công ty B còn nợ Ngân hàng Q số tiền nợ gốc là 6.190.603.549 đồng. Tuy nhiên, do Công ty B đang lâm vào tình trạng rất khó khăn về tài chính nên đề nghị Ngân hàng Q cho Công ty B thêm thời gian để có thể thanh toán các khoản nợ gốc. Về nợ lãi thì yêu cầu không tiếp tục tính lãi kể từ ngày 16/10/2018. Về thời gian thanh toán tiền thì Công ty B chỉ đồng ý thanh toán từ đầu năm 2019 trở về sau.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 25/2018/KDTM-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q đối với Công ty B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền tính đến ngày 13/11/2018 là 7.050.824.239 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc 6.190.603.549 đồng, lãi trên nợ gốc 791.973.236 đồng và lãi chậm trả lãi 68.247.454 đồng).

Tiền lãi trên dư nợ gốc thực tế kể từ ngày 14/11/2018 trở đi được tiếp tục tính theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 067/18/HĐCV-9203 ngày 03/02/2018 được ký kết giữa Công ty B với Ngân hàng Q cho đến ngày Công ty B trả hết số nợ trên.

Trường hợp Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản của Công ty B để xử lý thu hồi nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người đại diện ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo là ông Vương Đức T trình bày: Bị đơn thống nhất số nợ tính đến ngày 13/11/2018 là 7.050.824.239 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc 6.190.603.549 đồng, nợ gốc 6.190.603.549 đồng, lãi trên nợ gốc 791.973.236 đồng và lãi chậm trả lãi là 68.247.454 đồng). Tuy nhiên, hiện nay thời hạn vay vẫn còn, khoản vay của bị đơn chưa đến hạn thanh toán. Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả lãi là 68.247.454 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc phát mãi tài sản của bị đơn để thu hồi nợ và sửa phần án phí tương ứng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 14/11/2018, Tòa án nhân dân thị xã D xét xử vụ án theo Bản án số 25/2018/KDTM-ST. Đại diện bị đơn có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án. Vì vậy, bị đơn nộp đơn kháng cáo ngày 06/12/2018, nộp biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm là trong thời hạn và đúng thủ tục kháng cáo theo quy định. Về quan hệ tranh chấp, cấp sơ thẩm xác định vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là phù hợp pháp luật.

Nội dung Giấy ủy quyền ngày 02/8/2018 quyết định trường hợp một trong hai người được ủy quyền vắng mặt thì người còn lại vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ

đại diện cho nguyên đơn, ý kiến của người này cũng chính là ý kiến của người kia trong việc giải quyết vụ án. Vì vậy tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn D vắng mặt thì ông Phạm Văn T cũng có quyền đại diện nguyên đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận thống nhất nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, xác nhận số tiền nợ gốc chưa thanh toán tiền nợ lãi và nợ gốc tính thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 13/11/2018 là 7.050.824.239 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc 6.190.603.549 đồng, lãi trên nợ gốc 791.973.236 đồng và lãi chậm trả lãi là 68.247.454 đồng). Lời thừa nhận của các đương sự hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn thống nhất số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng đề nghị nguyên đơn không tiếp tục tính lãi kể từ ngày 16/10/2018 và xin gia hạn thanh toán nhưng không thỏa thuận được với nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn phải thanh toán số nợ 7.050.824.239 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc 6.190.603.549 đồng, lãi trên nợ gốc 791.973.236 đồng và lãi chậm trả lãi là 68.247.454 đồng) là phù hợp quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về nghĩa vụ trả lãi tính trên số dư lãi chậm trả của khách hàng vay. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, xét yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi chậm trả lãi với số tiền 68.247.454 đồng của nguyên đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 và Điều 14 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Vì vậy, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa án sơ thẩm liên quan đến yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả lãi là chưa phù hợp.

[3] Bị đơn kháng cáo với lý do: Công ty B có yêu cầu thay đổi người đại diện theo ủy quyền từ ông Vương Đức T sang bà Phạm Thị H trong ngày mở phiên tòa sơ thẩm ngày 14/11/2018. Bà H có yêu cầu hoãn phiên tòa vào ngày 14/11/2018 để có thời gian tiếp cận, nghiên cứu hồ sơ và nhờ luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không hoãn phiên tòa theo yêu cầu của bà H là vi phạm khoản 13 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tòa án nhân dân thị xã D ra Quyết định số 32/2018/QĐXXST-KDTM ngày 16/10/2018 để đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm vào hồi 09 giờ ngày 01/11/2018. Ông Vương Đức T đại diện bị đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 01/11/2018 không có lý do nên Tòa án nhân dân thị xã D ra Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-KDTM ngày 01/11/2018 để xét xử lại vào hồi 14 giờ 00 ngày 14/11/2018. Vì vậy, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/11/2018, bị đơn Công ty B tiếp tục yêu cầu hoãn phiên tòa do ông T bận công việc cá nhân và đề người đại diện theo ủy quyền mới là bà Phạm Thị H có thời gian tiếp cận, nghiên cứu hồ sơ và nhờ luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 156 Bộ luật Dân sự. Bởi lẽ, việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là do người đại diện theo pháp luật của bị đơn quyết định hoàn toàn chủ động và có thể lường trước được nên không thuộc sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan để được xem xét hoãn phiên tòa theo quy định tại

Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trước khi Tòa án nhân dân thị xã D đưa vụ án ra xét xử, đại diện bị đơn Công ty B đã được tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 16/10/2018 nên việc bị đơn thay đổi người đại diện để yêu cầu được tiếp cận, công khai chứng cứ lại là không phù hợp. Mặc khác, bị đơn đã có thời gian dài trong suốt quá trình tố tụng trước khi mở phiên tòa sơ thẩm lần 2 nhưng đã không yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đương sự hoãn phiên tòa để đương sự nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị bác một phần yêu cầu kháng cáo của đại diện bị đơn về vấn đề này là hoàn toàn phù hợp.

[4] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định rõ không tranh chấp về biện pháp bảo đảm trong vụ án nhưng vẫn yêu cầu Tòa án ghi nhận trường hợp Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng Thương mại Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản của Công ty B để xử lý thu hồi nợ. Xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với Điều 9, 71 Luật thi hành án nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp. Đồng thời, bị đơn cũng không kháng cáo đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận một phần.

Ý kiến của đại diện nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của đại diện bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, 227, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần B.

II. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 25/2018/KDTM-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Q đối với Công ty Cổ phần B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty Cổ phần B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần số tiền tính đến ngày 13/11/2018 là 7.050.824.239 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc 6.190.603.549 đồng, lãi trên nợ gốc 791.973.236 đồng và lãi chậm trả lãi là 68.247.454 đồng).

Tiền lãi trên dư nợ gốc thực tế kể từ ngày 14/11/2018 trở đi được tiếp tục tính theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 067/18/HĐCV-9203 ngày 03/02/2018 được ký kết giữa Công ty Cổ phần B với Ngân hàng Thương mại Q cho đến ngày Công ty Cổ phần B trả hết số nợ trên.

Trường hợp Công ty Cổ phần B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng Thương mại Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản của Công ty Cổ phần B để xử lý thu hồi nợ.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần B chịu 115.050.824 đồng. Ngân hàng Thương mại Q không phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Q số tiền 57.345.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0020090 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

III. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

- Công ty Cổ phần B phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0027839 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 22/3/2019./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THA dân sự TX. Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa KT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trí Dũng